

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - V**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/KDTM-PT

Ngày: 28/5/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - V**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc

- *Các thẩm phán:* bà Nguyễn Thị Quang

ông Nguyễn Minh Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Thùy Quyên – cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa: bà
Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM ngày
09/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do Bản án kinh doanh
thương mại sơ thẩm số 11/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân
dân huyện X bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐ-
PT ngày 26/02/2020, **Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa phúc
thẩm số 02/2020/TB-TA ngày 19/3/2020, số 05/2020/TB-TA ngày 01/4/2020,**
Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày
17/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C

Trụ sở: số 109 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Huy T, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng
mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Kỳ H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh V
(theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017). (vắng mặt)

Ông Trần Kỳ H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Anh H, chức
vụ: Phó phòng kinh doanh

Địa chỉ: H, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

(vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - V.

Tạm trú: Tổ 1, Thôn 3, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – V.

Đại diện theo ủy quyền của ông C và bà H: ông Ngô Văn V, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: chung cư H số 1 V, phường A, thành phố D, tỉnh B.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2018 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Ngày 16/8/2012, vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Nguyễn Thị H vay vốn tại Ngân hàng C chi nhánh V theo Hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD-GPBVTU/12 ngày 16/8/2012, Khế ước nhận nợ số 0115.01/KU'NN-GPBVTU/12 ngày 16/08/2012, với các thỏa thuận sau: Số tiền vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay vốn ghi trong hợp đồng là mua đất để dành cho con nhưng trên thực tế là để nuôi trồng thủy hải sản, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/08/2012 đến ngày 16/8/2013, áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng C tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng C tại từng thời kỳ, kỳ hạn trả lãi định kỳ vào ngày 16 hàng tháng, kỳ hạn trả nợ gốc được trả cuối kỳ vào ngày 16/08/2013.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông C bà H thế chấp cho Ngân hàng: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số N 436192 do UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa - V cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn C; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 904758 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - V cấp ngày 18/11/1994 cho ông Nguyễn Văn C, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số công chứng 178, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/8/2012 tại Văn phòng công chứng H Bình, tỉnh Bà Rịa – V.

Sau khi vay vốn, ông C bà H luôn vi phạm cam kết, dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần, nhưng đến ngày 28/11/2019 chỉ trả được tổng số lãi trong hạn là 100.693.292 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông C bà H thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 2.871.345.967 đồng (Hai tỷ tám trăm bảy mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng), gồm 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nợ gốc, 1.671.353.199 đồng (Một tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu ba trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín mươi chín đồng) lãi (gồm: 75.704.364 đồng lãi trong hạn, 1.063.765.869 đồng lãi quá hạn và 531.882.966 đồng lãi phạt).

Trường hợp ông C bà H không trả được số nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu phát mãi mà không đủ thu hồi nợ, thì ông C bà H phải tiếp tục trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng.

2. Tại bản khai, các biên bản H giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và người đại diện trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình giao kết, nội dung giao kết, và biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng. Thực tế ông bà chỉ được nhận 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) trong khoản vay gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) như ký nhận trong Khế ước nhận nợ. Phía ngân hàng giải thích 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) sẽ trừ dần vào tiền lãi ông bà phải trả.

Do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng như cam kết; mới trả lãi 100.693.292 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông bà chỉ đồng ý thanh toán 1.100.000.000 đồng nợ gốc, 75.704.364 đồng lãi trong hạn và 1.063.765.869 đồng lãi quá hạn; mà không đồng ý thanh toán 100.000.000 đồng nợ gốc do Ngân hàng giữ lại không giao khi ký khế ước nhận nợ, 531.882.966 đồng lãi phạt vì trùng với lãi quá hạn Ngân hàng đã yêu cầu.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân huyện X quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV C 2.339.470.233 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), gồm 1.200.000.000 đồng nợ gốc, 75.704.364 đồng lãi trong hạn, 1.063.765.869 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019. Từ ngày 29/11/2019, ông C và bà H phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp xử lý tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2019, Ngân hàng C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C bà H phải chịu thêm lãi phạt 531.882.966 đồng, gồm 427.991.393 đồng lãi phạt chậm trả gốc và 103.891.573 đồng lãi phạt chậm trả lãi; buộc ông C và bà H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, và không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ vì tính lỗi phạt trùng với lỗi quá hạn đã yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên quyết định như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng C đúng theo quy định pháp luật, và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng C khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H (trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa – V) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng, với mục đích vay để kinh doanh. Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện X. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

[2.] Về nội dung vụ án:

Ngày 16/8/2012, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H thế chấp hai tài sản là quyền sử dụng đất tại huyện X và huyện C, ký hợp đồng tín dụng số 0115/HĐTD-GPBVTU/12, vay của Ngân hàng C chi nhánh V 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) để chăn nuôi heo, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn và lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi suất được điều chỉnh theo từng thời gian vay. Ông C, bà H thanh toán không đúng hạn, nên Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán 2.871.345.967 đồng (Hai tỷ tám trăm bảy mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng), gồm 1.200.000.000 đồng nợ gốc, 1.671.353.199 đồng nợ lãi (75.704.364 lãi trong hạn + 1.063.765.869 đồng lãi quá hạn + 531.882.966 đồng lãi phạt) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà H thanh toán cho Ngân hàng C 2.339.470.233 đồng (Hai

tỷ ba trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), gồm 1.200.000.000 đồng nợ gốc, 75.704.364 đồng lãi trong hạn, 1.063.765.869 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019.

Ngân hàng C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C bà H phải chịu thêm lãi phạt là 531.882.966 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu tám trăm tám mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng), gồm 427.991.393 đồng lãi phạt chậm trả gốc và 103.891.573 đồng lãi phạt chậm trả lãi; và phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

[3.] Về nguồn luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng giao kết giữa các bên xác lập từ ngày 16/8/2012, thời hạn vay 12 tháng, phát sinh tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đến năm 2018 mới yêu cầu Tòa án giải quyết. Do có sự quy định khác nhau về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản tại Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015, nên theo quy định về Điều khoản chuyển tiếp tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết nội dung vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Cấp phúc thẩm điều chỉnh về Điều luật áp dụng giải quyết vụ án cho phù hợp, đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4.] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc trả lãi phạt 531.882.966 đồng:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 16/8/2012. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các khoản lãi của hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 chỉ bao gồm lãi trong hạn trên nợ gốc chưa trả và lãi quá hạn trên nợ gốc chưa trả được xác định theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng C về khoản lãi phạt 531.882.966 đồng không có căn cứ chấp nhận.

[5.] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng C, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, điều chỉnh về Điều luật áp dụng cho chính xác.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6.] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại TNHH MTV C đã tạm ứng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

[7.] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải nộp 78.789.404 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 2.339.470.233 đồng, theo cách tính cụ thể như sau: 72.000.000 đồng + [(2.339.470.233 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%] = 78.789.404 đồng.

Ngân hàng thương mại TNHH MTV C phải nộp 25.275.318 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 531.882.966 đồng, theo cách tính cụ thể như sau: 20.000.000 đồng + [(531.882.966 đồng - 400.000.000 đồng) x 4%] = 25.275.318 đồng.

[8.] *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:* Ngân hàng C kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng C; giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, điều chỉnh về Điều luật áp dụng.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C; buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV C số nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 2.339.470.233 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), gồm 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nợ gốc, 75.704.364 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng) lãi trong hạn, 1.063.765.869 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng) lãi quá hạn. Từ ngày 29/11/2019, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H tiếp tục chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông C, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng thương mại TNHH MTV C có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số N 436192 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - V cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn C; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 904758 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - V cấp ngày 18/11/1994 cho ông Nguyễn Văn C, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 178 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/8/2012 tại Văn phòng công chứng H Bình, tỉnh Bà Rịa - V, đăng ký thế chấp ngày 15/8/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X (nay là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X) và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C (nay là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Không chấp nhận việc Ngân hàng thương mại TNHH MTV C yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H trả 531.882.966 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng) lãi phạt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV C 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H nộp 78.789.404 đồng (Bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Ngân hàng thương mại TNHH MTV C nộp 25.275.318 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm mười tám đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch, được khấu trừ vào 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, theo biên lai thu số 0006522 ngày 27/12/2018, nên được nhận lại 16.724.682 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng thương mại TNHH MTV C nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, theo các biên lai thu: số 0001580 ngày 12/12/2019, số 0001257 ngày 25/3/2020, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/5/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;
- Tòa án nhân dân huyện X;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện X;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc